

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính
nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Y tế
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 153/TTr-SYT ngày 25/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; Các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA NGÀNH Y TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

PHẦN I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
01	Thủ tục kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
02	Thủ tục kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện	Khám bệnh, chữa bệnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
03	Thủ tục áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cửa khẩu	Y tế dự phòng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
04	Thủ tục áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở, địa điểm khác (ngoại trừ tại nhà, tại cửa khẩu, cơ sở y tế)	Y tế dự phòng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
05	Thủ tục công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.	Y tế dự phòng	Sở Y tế
06	Thủ tục công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C	Y tế dự phòng	Sở Y tế
07	Thủ tục công bố hết dịch	Y tế dự phòng	Sở Y tế
08	Hồ sơ, thủ tục xác định trường hợp được bồi thường trong tiêm chủng	Y tế dự phòng	Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (Đơn vị thường trực là Trung tâm KSBT tỉnh)
09	Thủ tục bồi thường	Y tế dự phòng	Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (Đơn vị thường trực là Trung tâm KSBT tỉnh)
10	Trình tự, thủ tục cấp chi trả tiền bồi thường	Y tế dự phòng	Sở Y tế
11	Thủ tục, trách nhiệm bồi hoàn	Y tế dự phòng	Sở Y tế

12	Thủ tục dự trữ và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh thành phố	Y tế dự phòng	Sở Y tế
13	Thủ tục áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà	Y tế dự phòng	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC NỘI BỘ

1. Thủ tục kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đề nghị kiểm tra công nhận:

Đơn vị được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong :Trung tâm Kiểm soát bệnh tật của tỉnh chưa được công nhận loại trừ bệnh phong đối chiếu với các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh, nếu thấy đã đạt thì đề nghị Sở Y tế tỉnh, xem xét, gửi văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh về Bộ Y tế .

Bước 2: Thành lập hội đồng kiểm tra

“Bộ Y tế xem xét, quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra. Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh.

Thành phần hội đồng kiểm tra gồm 09 hoặc 11 thành viên:

- 01 Chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo Bệnh viện Da liễu Trung ương.

- 02 Phó Chủ tịch hội đồng, gồm:

+ Lãnh đạo Sở Y tế ;

+ Lãnh đạo Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 Ủy viên thư ký: Đại diện phòng Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Da liễu Trung ương.

- Ủy viên giám sát: Đại diện Lãnh đạo, chuyên viên Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

- 05 Ủy viên gồm: 04 Lãnh đạo của 04 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được công nhận loại trừ bệnh phong và 01 cán bộ Phòng Chỉ đạo tuyến của Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra loại trừ bệnh phong chịu trách nhiệm điều hành Hội đồng kiểm tra tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bước 3: Tiến hành kiểm tra: Thời gian kiểm tra tối đa 02 ngày

Bước 4: Đánh giá, xếp loại

Bước 5: Công nhận tỉnh đạt được 04 tiêu chí loại trừ bệnh phong: Chủ tịch hội đồng có văn bản báo cáo kết quả về Bộ Y tế, kèm theo Biên bản kiểm tra của hội đồng. Bộ trưởng Bộ Y tế căn cứ kết quả kiểm tra của Hội đồng, xem xét quyết định công nhận.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) của tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Y tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

2. Thủ tục kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị chuyên môn được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) thuộc tỉnh đối chiếu với các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện, nếu thấy đã đạt thì đề nghị Sở Y tế xem xét, gửi văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 2: Thành lập hội đồng kiểm tra “Ủy ban nhân dân tỉnh, xem xét, quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra. Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện.

Thành phần hội đồng kiểm tra gồm 07 hoặc 09 thành viên:

+ Chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo Sở Y tế .

+ Phó chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo TTKSBT

+ Ủy viên thư ký: Trưởng khoa Phòng chống Bệnh truyền nhiễm thuộc TTKSBT Tỉnh

+ Ủy viên giám sát: Đại diện của Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ủy viên: Đại diện Phòng Nghiệp vụ y; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Y tế và Đại diện Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra loại trừ bệnh phong chịu trách nhiệm điều hành hội đồng kiểm tra tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Bước 3: Tiến hành kiểm tra: Thời gian kiểm tra tối đa 02 ngày

Bước 4: Đánh giá, xếp loại

Bước 5 : Công nhận huyện đạt được 04 tiêu chí loại trừ bệnh phong:

Sau khi kiểm tra, Chủ tịch hội đồng có văn bản báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, kèm theo Biên bản kiểm tra của hội đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kết quả kiểm tra của Hội đồng, xem xét quyết định công nhận.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) của tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

3. Thủ tục áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cửa khẩu

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi phát hiện đối tượng thuộc quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 101/2010/NĐ-CP, người đứng đầu tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới có trách nhiệm lập danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế và báo cáo người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu để xem xét, phê duyệt.

- **Bước 2.** Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới, người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu phải phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế.

- **Bước 3.** Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế được phê duyệt, người đứng đầu tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới có trách nhiệm.

*** Thông báo việc áp dụng biện pháp cách ly Y tế cho:**

+ Đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế và thân nhân của họ đối với đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế là người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam;

+ Thân nhân hoặc người chịu trách nhiệm vận chuyển đối với đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế là thi hài, hài cốt;

+ Chủ hàng hóa, phương tiện vận tải trong trường hợp đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế là hàng hóa, phương tiện vận tải, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người;

+ Cơ quan phụ trách an ninh tại cửa khẩu để phối hợp trong việc giám sát việc thực hiện cách ly Y tế.

* **Chuyển đối tượng đến địa điểm thực hiện cách ly Y tế** và phân công nhân viên trực tiếp chăm sóc, điều trị cho đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế là người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam.

Trường hợp đối tượng bị cách ly Y tế là hàng hóa, phương tiện vận tải, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người, thi hài, hài cốt, việc áp dụng các biện pháp xử lý Y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm dịch Y tế biên giới.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế.

d) Thời hạn giải quyết: 03 giờ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan phụ trách cửa khẩu.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 101/2010/NĐ-CP 30/09/2010 hướng dẫn Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch.

4. Thủ tục áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở, địa điểm khác (ngoại trừ tại nhà, tại cửa khẩu, cơ sở y tế)

a) Trình tự thực hiện: Trường hợp số lượng người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam thuộc quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này vượt quá khả năng tiếp nhận cách ly Y tế của cửa khẩu:

+ Trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới, người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu gửi văn bản về Sở Y tế tỉnh, đề nghị hướng dẫn thực hiện việc cách ly Y tế;

+ Trong thời gian 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu, Sở Y tế tỉnh phải có hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện cách ly Y tế.

Trường hợp số lượng người mắc bệnh truyền nhiễm vượt quá khả năng tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại vùng có dịch, trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 48 và việc huy động, trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động chống dịch theo quy định tại Điều 55 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: không quy định

d) Thời hạn giải quyết: 18 giờ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới; cơ quan phụ trách cửa khẩu

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế, Ban chỉ đạo chống dịch tỉnh,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 101/2010/NĐ-CP 30/09/2010 hướng dẫn Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch.

5. Thủ tục công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Ngay sau khi nhận được thông tin về người nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, cơ quan được Sở Y tế chỉ định thực hiện việc điều tra xác minh (sau đây gọi tắt là cơ quan xác minh dịch).

Bước 2. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi xác định có người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, cơ quan xác minh dịch có trách nhiệm thông báo cho Sở Y tế nơi có dịch xảy ra đồng thời báo cáo Bộ Y tế .

Bước 3. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được thông báo của cơ quan xác minh dịch, Sở Y tế nơi có dịch xảy ra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 4. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Y tế nơi có dịch xảy ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế công bố dịch.

Bước 5. Bộ trưởng Bộ Y tế:

+ Công bố dịch trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Thông báo trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của cơ quan xác minh dịch đối với trường hợp người nhập cảnh Việt Nam được xác định mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A;

+ Đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố dịch đối với trường hợp dịch lây lan nhanh từ tỉnh này sang tỉnh khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: 60 giờ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Y tế, Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A: có ít nhất một người bệnh được chẩn đoán xác định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

6. Trình tự công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, nhóm C

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Ngay sau khi nhận được thông tin người bệnh được chẩn đoán mắc bệnh truyền nhiễm, Sở Y tế tại nơi người mắc bệnh truyền nhiễm cư trú trong thời gian ủ bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm tổ chức điều tra xác minh dịch.

Bước 2: Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xác định có dịch, Sở Y tế có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 3: Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định việc công bố dịch nhóm B và nhóm C theo thẩm quyền.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: 24 giờ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: khoa Phòng chống bệnh truyền nhiễm & HIV, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế, Ban chỉ đạo chống dịch tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch nhóm B và C.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: quy định của chính phủ

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định 02/2016/QĐ-CP 28/01/2016 của Chính phủ quyết định quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

7. Thủ tục công bố hết dịch

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm phải đáp ứng điều kiện: Không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới sau khoảng thời gian nhất định cho từng bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Bước 2: Sau khoảng thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và đã thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:

* Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C;

* Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định công bố hết dịch đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo quy định của chính phủ

d) Thời hạn giải quyết: 24 giờ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: khoa Phòng chống bệnh truyền nhiễm & HIV, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế, Ban chỉ đạo chống dịch tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch nhóm B và C.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: theo quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định 02/2016/QĐ-CP 28/01/2016 của Chính phủ quyết định quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

8. Hồ sơ, thủ tục xác định trường hợp được bồi thường trong tiêm chủng

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở y tế nơi xảy ra tai biến nặng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc gây thiệt hại đến tính mạng của người được tiêm chủng phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan nhằm phục vụ cho Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh xác định các trường hợp được bồi thường.

Bước 2: Trường hợp người được tiêm chủng hoặc thân nhân của người được tiêm chủng cho rằng mình hoặc thân nhân của mình thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này thì phải chuẩn bị và gửi cho Sở Y tế hồ sơ bao gồm các tài liệu, giấy tờ sau:

- a) Đơn yêu cầu xác định nguyên nhân gây tai biến và mức độ tổn thương;
- b) Phiếu, sổ xác nhận tiêm chủng loại vắc xin có liên quan;
- c) Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vận chuyển bệnh nhân (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- d) Giấy chứng tử (trong trường hợp bị tử vong);
- đ) Các giấy tờ khác có liên quan chứng minh tai biến hoặc thiệt hại khác (nếu có).

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn và các giấy tờ hợp lệ, nếu xác định yêu cầu thuộc trách nhiệm giải quyết của mình thì Sở Y tế phải thụ lý và thông báo bằng văn bản về việc thụ lý đơn cho người bị thiệt hại hoặc thân nhân của người bị thiệt hại (sau đây gọi tắt là người bị thiệt hại). Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì Sở Y tế có văn bản hướng dẫn người bị thiệt hại bổ sung.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu của người bị thiệt hại, Sở Y tế phải hoàn thành việc xác định nguyên nhân gây tai biến, mức độ tổn thương và thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu đồng thời báo cáo Bộ Y tế.

Bước 5: Thành lập hội đồng đánh giá Phản ứng sau tiêm chủng.

Căn cứ Thông tư 24/2018/TT-BYT ngày 18/09/2018 quy định việc thành lập tổ chức hoạt động của hội đồng tư vấn chuyên môn, đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin.

Sở Y tế quyết định thành lập Hội đồng đánh giá phản ứng sau tiêm chủng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Thành phần hội đồng kiểm tra gồm 09 hoặc 10 thành viên:

- 01 Chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo Sở Y tế
- 02 Phó Chủ tịch hội đồng, gồm: 01 lãnh đạo bệnh viện đa khoa tỉnh, 01 lãnh đạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật

- 01 đại diện cơ quan xảy ra tai biến (TTYT huyện)
- 01 đại diện viện Pasteur TP.HCM; 01 đại diện bệnh viện nhi đồng 2 TP.HCM hoặc bệnh viện nhiệt đới TP.HCM.
- 04 Ủy viên thư ký: 01 đại diện Thanh tra SYT, 01 cán bộ phòng nghiệp vụ; 02 cán bộ tiêm chủng của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Bước 3: Tiến hành đánh giá: Thời gian đánh giá tối đa 05 ngày

Bước 4: Đánh giá, quyết định

b) Cách thức thực hiện: theo quy định của chính phủ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo quy định của chính phủ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao trách nhiệm (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) của tỉnh, .

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Sở Y tế về nguyên nhân phản ứng nặng sau tiêm chủng, mức độ tổn thương (di chứng, tử vong)

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 1/07/2016 của Chính phủ về Nghị định Quy định việc hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư 24/2018/TT-BYT ngày 18/09/2018 quy định việc thành lập tổ chức hoạt động của hội đồng tư vấn chuyên môn, đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin.

9. Thủ tục bồi thường

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (thời điểm tiếp nhận được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế ra quyết định giải quyết bồi thường đối với các trường hợp được Nhà nước bồi thường theo quy định tại Nghị định này.

Bước 2. Quyết định giải quyết bồi thường phải có các nội dung chính sau:

- Tên, địa chỉ của người được bồi thường;
- Tóm tắt lý do bồi thường;
- Mức bồi thường;
- Hiệu lực của quyết định giải quyết bồi thường.

Bước 3. Quyết định giải quyết bồi thường phải được gửi cho người bị thiệt hại, người có lỗi hoặc cơ quan tổ chức có lỗi gây thiệt hại (nếu có).

Bước 4. Quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được quyết định, trừ trường hợp người bị thiệt hại không đồng ý và khởi kiện ra tòa án.

b) Cách thức thực hiện: theo quy định của Chính phủ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo quy định của Chính phủ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao trách nhiệm (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) của tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Sở Y tế về nguyên nhân phản ứng nặng sau tiêm chủng, mức độ tổn thương (di chứng, tử vong)

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: theo quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 1/07/2016 của Chính phủ về Nghị định Quy định việc hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư 24/2018/TT-BYT ngày 18/09/2018 quy định việc thành lập tổ chức hoạt động của hội đồng tư vấn chuyên môn, đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin.

10. Trình tự, thủ tục cấp và chi trả tiền bồi thường

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật, Sở Y tế phải có văn bản gửi Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường kèm theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường, Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia cấp kinh phí cho Sở Y tế để chi trả cho người bị thiệt hại.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí do Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia cấp, Sở Y tế phải thực hiện việc chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại.

Việc chi trả phải thực hiện 01 lần bằng tiền mặt cho người bị thiệt hại hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người bị thiệt hại. Trường hợp người bị thiệt hại có yêu cầu trả bằng chuyển khoản thì thực hiện theo yêu cầu và thông báo bằng văn bản cho người bị thiệt hại. Nếu chi trả bồi thường bằng tiền mặt thì phải thông báo trước ít nhất 02 ngày cho người bị thiệt hại, việc nhận tiền bồi thường được lập thành 02 bản, mỗi bên tham gia giao nhận giữ 01 bản.

b) Cách thức thực hiện: theo quy định của chính phủ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo quy định của Chính phủ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Y tế

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Y tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ Y tế về nguyên nhân phản ứng nặng sau tiêm chủng, mức độ tổn thương (di chứng, tử vong)

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: theo quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 1/07/2016 của Chính phủ về Nghị định Quy định việc hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư 24/2018/TT-BYT ngày 18/09/2018 quy định việc thành lập tổ chức hoạt động của hội đồng tư vấn chuyên môn, đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin.

11. Thủ tục, trách nhiệm bồi hoàn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định này, Sở Y tế ra quyết định yêu cầu bồi hoàn cho Nhà nước.

Bước 2. Quyết định yêu cầu bồi hoàn phải có các nội dung chính sau:

- a) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân có lỗi gây thiệt hại;
- b) Tóm tắt lý do yêu cầu bồi hoàn;
- c) Mức bồi hoàn;
- d) Hiệu lực của quyết định yêu cầu bồi hoàn.

Bước 3. Quyết định yêu cầu bồi hoàn phải được gửi cho tổ chức, cá nhân có lỗi gây ra thiệt hại.

Bước 4. Quyết định yêu cầu bồi hoàn có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nhận được quyết định, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân không đồng ý và khởi kiện ra tòa án.

Bước 5. Tổ chức, cá nhân có lỗi gây thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm nộp tiền bồi hoàn cho Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia và nộp biên lai cho cơ quan ra quyết định yêu cầu bồi hoàn.

Bước 6. Trường hợp cơ quan thẩm quyền đã ra quyết định yêu cầu bồi hoàn mà tổ chức, cá nhân có lỗi không chấp hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Cách thức thực hiện: theo quy định của chính phủ

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo quy định của chính phủ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Y tế.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Sở Y tế về nguyên nhân phản ứng nặng sau tiêm chủng, mức độ tổn thương (di chứng, tử vong)

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 1/07/2016 của Chính phủ về Nghị định Quy định việc hoạt động tiêm chủng.

12. Thủ tục dự trữ và phân phối thuốc methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.

a) Trình tự thực hiện:

*** Thủ tục lập dự trữ và phân phối thuốc methadone**

Bước 1: Cơ sở điều trị Methadone lập dự trữ, nhu cầu sử dụng vào tháng 10 hàng năm Cơ quan lập dự trữ và gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Bước 2: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, tổng hợp lập dự trữ thuốc Methadone hàng năm trình Sở Y tế (trước ngày 10 tháng 10 hàng năm hoặc các trường hợp đột xuất) quy định tại Khoản 1 Điều này theo mẫu số 3 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BYT.

Bước 3: Sở Y tế phê duyệt lập dự trữ mua thuốc Methadone (Mua thuốc từ nguồn NSNN) hàng năm, trước 15 tháng 10 hàng năm hoặc trường hợp đột xuất.

Bước 4: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) triển khai hoạt động mua thuốc sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt nguồn kinh phí mua thuốc Methadone (thực hiện mua thuốc theo các quy định của Luật đấu thầu và các hướng dẫn hiện hành có liên quan).

Bước 5: Các Doanh nghiệp phân phối thuốc quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2014/TT-BYT. Các Doanh nghiệp được Bộ trưởng Bộ Y tế cho phép sản xuất thuốc Methadone trong nước và đáp ứng các điều kiện thực hành tốt phân phối thuốc theo quy định tại Thông tư số 48/2011/TT-BYT.

Bước 6: Kế hoạch giao nhận thuốc Methadone:

Giao nhận thuốc giữa đơn vị phân phối với cơ sở điều trị Methadone tuân thủ quy định như sau:

- Nhân viên vận chuyển thuốc của đơn vị phân phối và nhân viên quản lý kho thuốc tại cơ sở điều trị Methadone thực hiện giao, nhận thuốc methadone và lập biên bản giao nhận thuốc theo quy định (mẫu, phụ lục 2 Thông tư số 14/2015/TT-BYT).

- Nhân viên quản lý kho tại cơ sở điều trị, nhập thông tin thuốc Methadone giao nhận vào:

+ Sổ quản lý thuốc gây nghiện của đơn vị điều trị

+ Sổ theo dõi kho thuốc Methadone của cơ sở điều trị Methadone.

*** Thủ tục xuất, cấp phát hàng ngày:**

Bước 1: Cơ sở điều trị Methadone:

Nhân viên quản lý kho thuốc xuất số lượng thuốc Methadone xuất cho bộ phận cấp phát thuốc như sau:

- Ghi chép đầy đủ thông tin vào sổ theo dõi xuất nhập thuốc Methadone hàng ngày.
- Có đủ chữ ký của 2 người giữ chìa khóa tủ bảo quản thuốc Methadone.
- Có xác nhận của người phụ trách bộ phận dược hoặc người được cơ sở điều trị ủy quyền.

Bước 2: Cơ sở cấp phát Methadone:

Nhân viên quản lý kho thuốc xuất số lượng thuốc Methadone xuất cho nhân viên cấp phát thuốc như sau:

- Ghi chép đầy đủ thông tin vào sổ theo dõi xuất nhập thuốc Methadone hàng ngày;
- Có đủ chữ ký của 2 người giữ chìa khóa tủ bảo quản thuốc Methadone;
- Có xác nhận của người phụ trách chuyên môn kỹ thuật của cơ sở cấp phát hoặc người được cơ sở điều trị ủy quyền.

Bước 3: Nhập lại thuốc Methadone:

Nhập lại thuốc Methadone hàng ngày từ phòng cấp thuốc vào kho bảo quản:

- Nhân viên cấp phát kiểm tra lượng thuốc chưa sử dụng hết trong ngày và bàn giao lại cho nhân viên quản lý kho thuốc để ghi chép vào sổ theo dõi xuất, nhập hàng ngày theo quy định tại Điểm d, Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2 Điều 10 tại Thông tư số 14/2015/TT-BYT.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Bưu chính công ích.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Biểu mẫu báo cáo và dự trữ thuốc methadone dành cho cơ sở điều trị theo mẫu số 2, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BYT.

+ Biểu mẫu báo cáo và dự trữ thuốc methadone dành cho tuyến tỉnh, thành phố/Cơ quan đầu mối theo mẫu số 3, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BYT.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone của Cục Phòng, chống HIV/AIDS gửi đơn vị phân phối để thực hiện việc chuyển thuốc đến các cơ sở điều trị Methadone của các tỉnh, thành phố

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu số 2 Phụ lục 1: Biểu mẫu báo cáo và dự trữ thuốc methadone dành cho cơ sở điều trị.

+ Mẫu số 3 Phụ lục 1: Biểu mẫu báo cáo và dự trữ thuốc methadone dành cho tuyến tỉnh, thành phố/Cơ quan đầu mối.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư 14/2015/TT-BYT ngày 25/06/2015 về Quản lý thuốc Methadone do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Phụ lục 1

Mẫu số 2

BIỂU MẪU BÁO CÁO VÀ DỰ TRÙ THUỐC METHADONE DÀNH CHO CƠ SỞ CẤP ĐIỀU TRỊ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRÙ THUỐC METHADONE

(từ ngày ... tháng đến ngày tháng)

Cơ sở điều trị Methadone

Địa chỉ:

Quận/huyện/thị xã/thành phố..... Tỉnh/thành phố

Tên đơn vị	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
.....												
.....												
.....												
.....												
Tổng số												

Nơi nhận:

Người lập báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo cơ sở điều trị
(ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp
(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 1

Mẫu số 4

BIỂU MẪU BÁO CÁO VÀ DỰ TRÙ THUỐC METHADONE DÀNH CHO TUYẾN TỈNH, THÀNH PHỐ/CƠ QUAN ĐẦU MỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TÊN ĐƠN VỊ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRÙ THUỐC METHADONE

(từ ngày ... tháng đến ngày tháng)

Ngày hoàn thành báo cáo (ngày cuối cùng của tháng báo cáo).....

Tên đơn vị	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới	Số lượng dự trữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
.....													
.....													
Tổng số													

Nơi nhận:

Số..... ngày.....

-
-

- Duyệt bản dự trữ này gồm ... trang ... khoản....)

- Bản dự trữ này có giá trị kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày.....

Người lập báo cáo

Lãnh đạo Trung tâm KSBT tỉnh

Cơ quan duyệt dự trữ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

13. Thủ tục áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi phát hiện người thuộc trường hợp Quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 101/2010/NĐ-CP, Trạm trưởng Trạm Y tế xã, phường lập danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà và báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã, phường để xem xét, phê duyệt.

Bước 2. Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của Trạm trưởng Trạm Y tế xã, phường; Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã, phường phải quyết định việc phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế. Trường hợp từ chối phê duyệt phải nêu rõ lý do.

Bước 3. Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế được phê duyệt, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm:

+ Thông báo việc áp dụng biện pháp cách ly cho người bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế và thân nhân của họ, đồng thời báo cho Công an xã và tổ trưởng khu phố, trưởng thôn, để phối hợp giám sát thực hiện biện pháp cách ly Y tế;

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp giám sát, theo dõi sức khỏe của người bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế;

+ Báo cáo và đề xuất với Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã, phường về các biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối đa nguy cơ lây nhiễm từ người bị cách ly Y tế ra cộng đồng;

Trường hợp người đang bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế có dấu hiệu tiên triễn thành mắc bệnh truyền nhiễm, Trạm trưởng Trạm Y tế xã, phường có trách nhiệm báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo chống dịch cấp xã, phường để xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Bước 4. Sau khi tiếp nhận được thông báo của người đứng đầu khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận đối tượng, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm:

+ Thông báo hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cách ly Y tế trong trường hợp nhận được thông báo người đó không mắc bệnh truyền nhiễm;

+ Lập danh sách những người tiếp xúc với người bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế và thực hiện biện pháp phòng, chống dịch trong trường hợp nhận được thông báo xác định người đó mắc bệnh truyền nhiễm.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà.

d) Thời gian quyết định: 07 giờ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Y tế xã, phường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã, phường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: phê duyệt danh sách phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý:

Nghị định 101/2010/NĐ-CP ngày 30/09/2010 hướng dẫn Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch.